

Kinh tế quốc tế nâng cao

Chương 3

Cạnh tranh quốc gia trong hội nhập kinh tế quốc tế

Mục tiêu nghiên cứu

1. Nhận thức tầm quan trọng và tác dụng của việc nâng cao năng lực cạnh tranh cạnh tranh quốc gia trong quan hệ hội nhập kinh tế quốc tế.
2. Nắm được kỹ thuật đánh giá năng lực cạnh tranh quốc gia theo các quan điểm hiện đại.

Nội dung cơ bản

1. Yêu cầu khách quan phải nghiên cứu lợi thế cạnh tranh quốc gia.
2. Nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia trong hội nhập kinh tế quốc tế.
3. Đánh giá năng lực cạnh tranh quốc gia trong hội nhập kinh tế quốc tế.

3

1. Yêu cầu khách quan phải nghiên cứu lợi thế cạnh tranh quốc gia

- (1) Khái niệm cơ bản về lợi thế cạnh tranh quốc gia.
- (2) Biểu hiện cụ thể của lợi thế cạnh tranh quốc gia.
- (3) Ý nghĩa của việc nghiên cứu lợi thế cạnh tranh quốc gia.

4

Khái niệm cơ bản về lợi thế cạnh tranh quốc gia

- Lợi thế cạnh tranh quốc gia là tập hợp những khác biệt vượt trội tương đối về:
 - Nguồn lực kinh tế;
 - Môi trường kinh tế - xã hội; và
 - Cơ chế vận hành nền kinh tế - xã hội...
 của một quốc gia đặt trong tương quan so sánh với các quốc gia khác.

5

Khái niệm cơ bản về lợi thế cạnh tranh quốc gia

- Mục đích tạo ra lợi thế cạnh tranh quốc gia nhằm:
 - Cạnh tranh thu hút nguồn lực đầu tư quốc tế (vốn, công nghệ, know-how, chất xám);
 - Thiết lập các quan hệ thị trường và quan hệ kinh tế quốc tế (nói chung) được thuận lợi...
 để góp phần phát triển nền kinh tế quốc gia một cách tốt nhất trong điều kiện có thể.

6

Biểu hiện cụ thể của lợi thế cạnh tranh quốc gia

- Lợi thế bên trong của nền kinh tế:
 - Là tổng hợp lợi thế cạnh tranh của tất cả các doanh nghiệp nội địa.
 - Và điều đó phụ thuộc vào sự trưởng thành của các doanh nghiệp nội địa trên căn bản không ngừng nâng cao qui mô lợi suất kinh tế để tăng tích cực hiệu quả kinh tế.

7

Biểu hiện cụ thể của lợi thế cạnh tranh quốc gia

- Lợi thế bên ngoài của nền kinh tế:
 - Là tổng hợp lợi thế cạnh tranh của tất cả các ngành hàng (hay ngành sản phẩm).
 - Và điều đó phụ thuộc vào quá trình chuyên môn hóa sản xuất, phân ngành ngày càng sâu và hẹp hơn trên căn bản không ngừng nâng cao nền tảng cơ sở hạ tầng và trình độ kỹ thuật công nghệ của các ngành hàng.

8

Biểu hiện cụ thể của lợi thế cạnh tranh quốc gia

- ❑ Mối quan hệ biện chứng giữa các lợi thế bên trong và bên ngoài của nền kinh tế:
 - Sự trưởng thành của các doanh nghiệp nội địa quyết định sự phát triển của các ngành.
 - Phát huy tốt lợi thế bên ngoài sẽ góp phần nâng cao lợi thế bên trong nhanh chóng, nền kinh tế sẽ xuất hiện ngày càng nhiều các công ty đa quốc gia và xuyên quốc gia.

9

Ý nghĩa của việc nghiên cứu lợi thế cạnh tranh quốc gia

- ❑ Đối với các doanh nghiệp, là cơ sở để:
 - Lựa chọn chiến lược kinh doanh thích hợp trong môi trường cạnh tranh toàn cầu.
 - Quyết định phân bố hợp lý mạng lưới sản xuất kinh doanh toàn cầu.
 - Quyết định chọn phương thức tiếp cận và thâm nhập thị trường quốc tế đúng đắn.

10

Ý nghĩa của việc nghiên cứu lợi thế cạnh tranh quốc gia

- Đối với quản lý nhà nước, là cơ sở để:
 - Hoạch định chiến lược phát triển kinh tế - xã hội dài hạn.
 - Xây dựng các chính sách quản lý phù hợp trong lĩnh vực kinh tế đối ngoại.
 - Đẩy mạnh cải cách kinh tế và cải cách hành chính quốc gia, đảm bảo sự phát triển bền vững của nền kinh tế - xã hội.

11

Ý nghĩa của việc nghiên cứu lợi thế cạnh tranh quốc gia

- Kết quả so sánh lợi thế cạnh tranh giữa các quốc gia chỉ có ý nghĩa tương đối:
 - Để đo lường độ linh hoạt, tính minh bạch, tính hiệu quả của nền kinh tế.
 - Chú không phải để so sánh sự hơn kém về qui mô tuyệt đối của nền kinh tế (diện tích lãnh thổ, dân số, tài nguyên thiên nhiên, lực lượng sản xuất, dung lượng thị trường...).

12

2. Nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia trong hội nhập kinh tế quốc tế

- (1) Khái niệm năng lực cạnh tranh quốc gia.
- (2) Các yếu tố quyết định năng lực cạnh tranh quốc gia.
- (3) Yêu cầu nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia trong hội nhập kinh tế quốc tế.

13

Khái niệm năng lực cạnh tranh quốc gia

- Năng lực cạnh tranh quốc gia là tập hợp tất cả những yếu tố góp phần tạo ra lợi thế cạnh tranh của quốc gia:
 - Một mặt, nó bao gồm các yếu tố tự nhiên, kinh tế, xã hội sẵn có;
 - Mặt khác, nó còn phụ thuộc vào năng lực hoạch định, tổ chức thực hiện và điều chỉnh chính sách kinh tế - xã hội của chính phủ.

14

Khái niệm năng lực cạnh tranh quốc gia

- ❑ Năng lực cạnh tranh quốc gia gắn liền với năng lực cạnh tranh của tất cả các chính thể bên trong nền kinh tế, gồm:
 - Các doanh nghiệp;
 - Các ngành hàng (ngành sản phẩm);
 - Các địa phương; và
 - Các vùng, các đặc khu kinh tế...

15

Các yếu tố quyết định năng lực cạnh tranh quốc gia

Bao gồm 3 nhóm cơ bản như sau:

- ❑ Các nguồn tài nguyên thiên nhiên;
- ❑ Nguồn tài nguyên nhân lực; và
- ❑ Các yếu tố cao cấp do con người tạo ra, như: thể chế chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, cơ sở hạ tầng, khoa học, công nghệ, chất lượng nguồn nhân lực...

16

Yêu cầu nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia trong hội nhập kinh tế quốc tế

- ❑ Yêu cầu cơ bản khi tiến hành hội nhập kinh tế quốc tế:
 - Mở cửa thị trường trên căn bản giảm thấp hàng rào thuế quan, loại bỏ bớt các hàng rào phi thuế quan.
 - Tuân thủ nghiêm ngặt luật chơi về tự do hóa thương mại, tài chính và đầu tư trong các tổ chức kinh tế quốc tế đã tham gia.

17

Yêu cầu nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia trong hội nhập kinh tế quốc tế

- ❑ Hệ quả của công cuộc hội nhập kinh tế quốc tế có tính hai mặt:
 - Hoặc là, sẽ mở rộng không gian thị trường, khai thác được các nguồn lực kinh tế quốc tế bổ sung để phát triển kinh tế quốc gia;
 - Hoặc là, sẽ bị đánh bại trong quan hệ cạnh tranh quốc tế ngay trên sân nhà...

...tùy thuộc vào năng lực cạnh tranh quốc gia.

18

Yêu cầu nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia trong hội nhập kinh tế quốc tế

- Do đó, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia trong hội nhập kinh tế quốc tế là yêu cầu tất yếu khách quan, nhằm:
 - Khai thác tối đa lợi ích do hội nhập kinh tế quốc tế mang lại; giảm thiểu đến mức thấp nhất cái giá phải trả cho sự phát triển; và
 - Phải duy trì tốt lợi thế cạnh tranh quốc gia để đảm bảo phát triển bền vững.

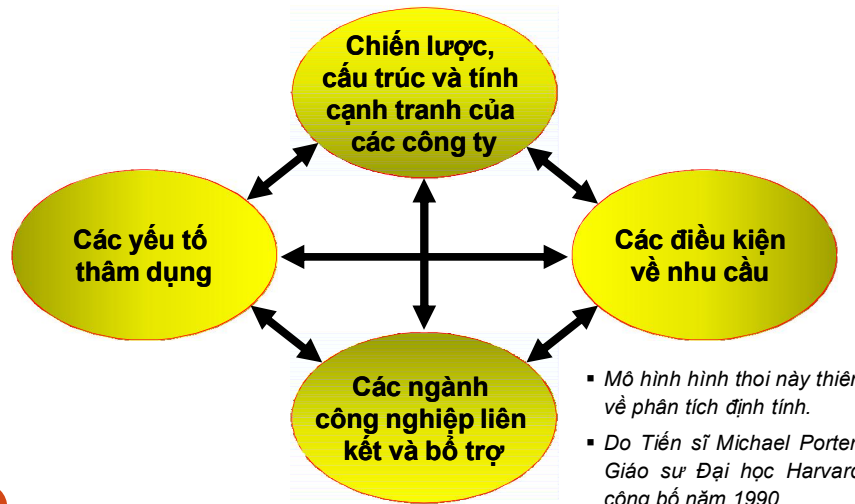
19

3. Đánh giá năng lực cạnh tranh quốc gia trong hội nhập kinh tế quốc tế

- (1) Đánh giá theo mô hình kim cương của Michael Porter.
- (2) Mô hình của Diễn đàn kinh tế thế giới (*World Economic Forum – WEF*).
- (3) Ứng dụng kết quả đánh giá năng lực cạnh tranh quốc gia.

20

Đánh giá theo mô hình kim cương của Michael Porter



21

Đánh giá theo mô hình kim cương của Michael Porter

□ Vai trò của các yếu tố thâm dụng:

- Nhóm yếu tố thâm dụng cơ bản: lợi thế vị trí, khí hậu, tài nguyên, nguồn nhân lực...
- Nhóm yếu tố thâm dụng cao cấp: cơ sở hạ tầng, hệ thống thông tin, kỹ năng lao động, khoa học, công nghệ, know-how...

Nhóm yếu tố cao cấp đóng vai trò quan trọng hơn trong lợi thế cạnh tranh quốc gia.

22

Đánh giá theo mô hình kim cương của Michael Porter

- Tác động của các điều kiện về nhu cầu:
 - Nhu cầu nội địa phát triển cao đặt ra chuẩn mực buộc các doanh nghiệp phải liên tục cải tiến sản xuất nâng cao chất lượng, hạ giá thành sản phẩm để đáp ứng.
 - Muốn vậy, các doanh nghiệp phải thường xuyên khai thác các yếu tố thâm dụng để nâng cao sức cạnh tranh.

23

Đánh giá theo mô hình kim cương của Michael Porter

- Tương tác của ngành liên kết và hỗ trợ:
 - Một ngành công nghiệp mũi nhọn phát triển mạnh chắc chắn sẽ kéo theo sự phát triển đồng bộ của nhiều ngành công nghiệp liên kết và hỗ trợ (*theo mô hình đàn nhạn bay*).
 - Qua đó, cơ cấu ngành sẽ chuyển dịch ngày càng đồng bộ hơn; trình độ công nghệ sản xuất của nền kinh tế được nâng cao liên tục

24

Đánh giá theo mô hình kim cương của Michael Porter

- ❑ Ảnh hưởng đến chiến lược, cấu trúc và tính cạnh tranh của các công ty:
 - Khi một công ty có chiến lược phát triển và cơ cấu tổ chức phù hợp sẽ tạo được ưu thế cạnh tranh trong ngành hàng trên thị trường nội địa.
 - Cạnh tranh nội địa tạo sức ép đầu tư đổi mới công nghệ, nâng cao trình độ quản lý liên tục...
...cuối cùng, sẽ ra đời nhiều công ty đa quốc gia, xuyên quốc gia có năng lực cạnh tranh toàn cầu.

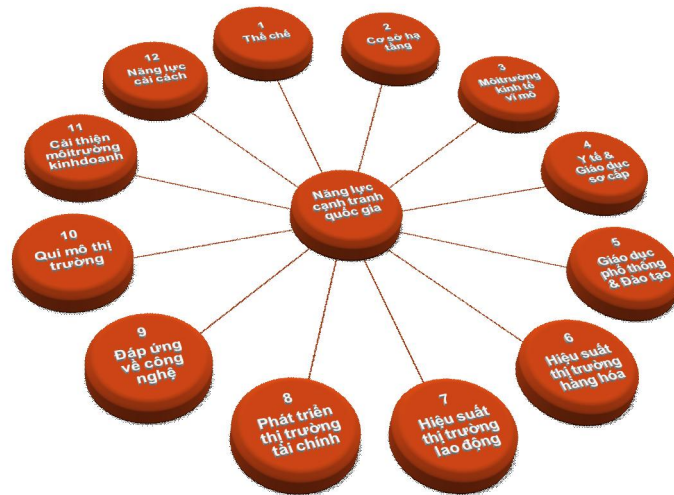
25

Đánh giá theo mô hình kim cương của Michael Porter

- ❑ Lưu ý, các yếu tố được mô tả ở 4 đỉnh của hình thoi nêu trên luôn có quan hệ tương tác chặt chẽ với nhau để tạo ra năng lực cạnh tranh quốc gia.
- ❑ Vai trò của chính phủ có ảnh hưởng đến (và chịu ảnh hưởng từ) sự tương tác đó cả mặt tích cực và tiêu cực. Thực tế, đa số trường hợp là ảnh hưởng tích cực.

26

Mô hình của Diễn đàn kinh tế thế giới (World Economic Forum – WEF)



27

Mô hình của Diễn đàn kinh tế thế giới (World Economic Forum – WEF)

- ❑ WEF bắt đầu nghiên cứu đo lường năng lực cạnh tranh của các quốc gia (bằng chỉ số định lượng) vào năm 1979.
- ❑ Kể từ đó, hàng năm WEF công bố **Báo cáo cạnh tranh toàn cầu (GCR – Global Competitiveness Report)** xếp hạng các quốc gia theo năng lực cạnh tranh.

28

Mô hình của Diễn đàn kinh tế thế giới (World Economic Forum – WEF)

- ❑ Năm 2000, WEF cải tiến phương pháp đánh giá thông qua hai chỉ số:
 - **Growth Copetitiveness Index (GCI):** Chỉ số cạnh tranh tăng trưởng để đánh giá về mặt vĩ mô.
 - **Business Competitiveness Index (BCI):** Chỉ số cạnh tranh kinh doanh để đánh giá về mặt vi mô.

29

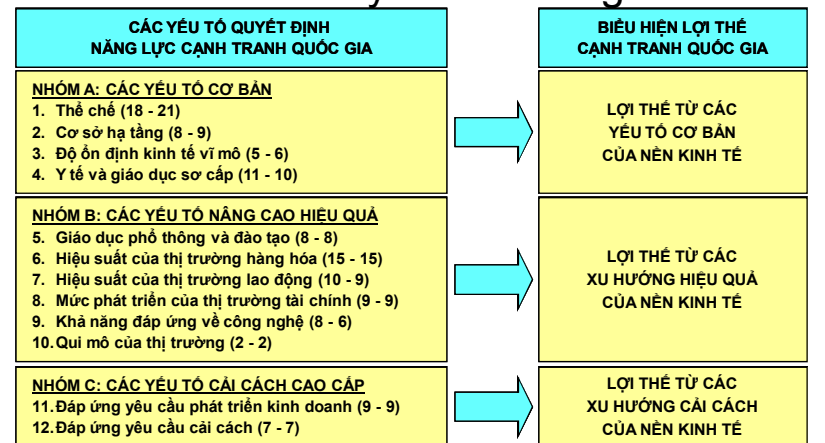
Mô hình của Diễn đàn kinh tế thế giới (World Economic Forum – WEF)

- ❑ Năm 2004, WEF áp dụng đánh giá tổng hợp cả hai mặt vi mô và vĩ mô của nền kinh tế qua **Chỉ số cạnh tranh toàn cầu (Global Competitiveness Index – GCI)**.
- ❑ Đến năm 2008, các nhân tố đánh giá GCI được WEF bổ sung thành 12 yếu tố chính, như phân nhóm dưới đây...

30

Mô hình của Diễn đàn kinh tế thế giới (World Economic Forum – WEF)

□ Phân nhóm các yếu tố đánh giá GCI:



31

Ghi chú: số ghi trong ngoặc sau mỗi yếu tố là số chi tiết đánh giá của yếu tố đó, lần lượt vào các năm 2008 và 2010.

Mô hình của Diễn đàn kinh tế thế giới (World Economic Forum – WEF)

□ Kỹ thuật đánh giá GCI:

- Mỗi yếu tố chính được cụ thể hóa thành nhiều chi tiết đánh giá.
- Các chi tiết đánh giá có thể được thay đổi, bổ sung qua từng năm (xem ghi chú trong bảng phân nhóm các yếu tố đánh giá GCI).
- Thông tin dùng để đánh giá từng chi tiết có thể là thông tin sơ cấp và/hoặc thứ cấp.

32

Mô hình của Diễn đàn kinh tế thế giới (World Economic Forum – WEF)

□ Kỹ thuật đánh giá GCI:

- Thông tin sơ cấp được điều tra thu thập từ nhiều thành phần (trong và ngoài nước) có liên quan, điểm số đánh giá từ 1 (mức thấp nhất) đến 7 (mức cao nhất).
- Thông tin thứ cấp lấy từ số liệu thống kê có sẵn của các quốc gia trong mẫu điều tra và các tổ chức quốc tế có liên quan.

33

Mô hình của Diễn đàn kinh tế thế giới (World Economic Forum – WEF)

□ Kỹ thuật đánh giá GCI:

- Từ cơ sở thông tin thứ cấp, có 3 công thức qui định cụ thể cách tính toán chuyển đổi sang mức đánh giá theo thang đo 1 – 7.
- Từ điểm đánh giá theo thang đo 1 – 7 của tất cả các chi tiết, sẽ tính ra điểm trung bình theo trọng số được ấn định sẵn của 12 yếu tố chính trong thành phần đánh giá GCI.

34

Mô hình của Diễn đàn kinh tế thế giới (World Economic Forum – WEF)

□ Kỹ thuật đánh giá GCI: *(xem phụ lục)*

- Từ điểm trung bình của 12 yếu tố chính sẽ tính ra được giá trị của 3 nhóm A, B, C theo phương pháp trung bình cộng đơn giản.
- Cuối cùng, lấy giá trị của A, B, C tính ra giá trị GCI theo phương pháp bình quân gia quyền (trọng số của A, B, C được xác định theo chỉ tiêu GDP capita của các quốc gia).

35

Minh họa: Chỉ số GCI của Việt Nam các năm 2008 - 2009 và 2010 - 2011

Các chỉ tiêu của nền kinh tế Việt Nam	Báo cáo 2008 – 2009		Báo cáo 2010 – 2011	
	Hạng (trên 134)	Điểm (trên 7)	Hạng (trên 139)	Điểm (trên 7)
Chỉ số cạnh tranh toàn cầu (GCI)	70	4,1	59	4,3
Nhóm A: Các yếu tố cơ bản	79	4,2	74	4,4
1. Thể chế	71	3,9	74	3,8
2. Cơ sở hạ tầng	93	2,9	83	3,6
3. Độ ổn định kinh tế vĩ mô	70	4,9	85	4,5
4. Y tế và giáo dục sơ cấp	84	5,3	64	5,7
Nhóm B: Các yếu tố nâng cao hiệu quả	73	3,9	57	4,2
5. Giáo dục phổ thông và đào tạo	98	3,4	93	3,6
6. Hiệu suất của thị trường hàng hóa	70	4,2	60	4,2
7. Hiệu suất của thị trường lao động	47	4,5	30	4,8
8. Mức phát triển của thị trường tài chính	80	4,1	65	4,2
9. Khả năng đáp ứng về công nghệ	79	3,1	65	3,6
10. Quy mô của thị trường	40	4,4	35	4,6
Nhóm C: Các yếu tố cải cách cao cấp	71	3,6	53	3,7
11. Đáp ứng yêu cầu phát triển kinh doanh	84	3,8	64	4,0
12. Đáp ứng yêu cầu cải cách	57	3,3	49	3,4

36

Nguồn: World Economic Forum – The Global Competitiveness Report, 2008 – 2009 và 2010 – 2011.

Ứng dụng kết quả đánh giá năng lực cạnh tranh quốc gia

- ❑ Trước hết, cần phải tham khảo các yếu tố định lượng đánh giá năng lực cạnh tranh quốc gia trên báo cáo cạnh tranh toàn cầu hàng năm của WEF.
- ❑ Kết hợp với các đánh giá định tính theo mô hình kim cương của Michael Porter để nhận định đầy đủ tác động của chính phủ đến năng lực cạnh tranh quốc gia.

37

Ứng dụng kết quả đánh giá năng lực cạnh tranh quốc gia

- ❑ Trên cơ sở đó, có thể ứng dụng kết quả đánh giá để tích cực nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia, bằng cách:
 - Tiếp tục đánh giá năng lực cạnh tranh của các ngành, các địa phương và vùng kinh tế.
 - Điều chỉnh, bổ sung chính sách quản lý của nhà nước cho phù hợp với đặc điểm năng lực cạnh tranh của các chính thể đó...

38

Kết luận

1. Để hội nhập kinh tế quốc tế thành công, bắt buộc phải không ngừng nâng cao năng lực cạnh tranh của quốc gia và các chính thể bên trong nền kinh tế.
2. Do đó, cần phải nắm vững các phương pháp đánh giá năng lực cạnh tranh quốc gia cả về mặt định tính và định lượng để vận dụng cho phù hợp và có hiệu quả.

39

Câu hỏi thảo luận

1. Phân biệt lợi thế cạnh tranh quốc gia với năng lực cạnh tranh quốc gia. Cho biết ý nghĩa của việc nghiên cứu lợi thế cạnh tranh quốc gia ?
2. Trình bày những biểu hiện cụ thể của lợi thế cạnh tranh quốc gia. Cho ví dụ minh họa với trường hợp các quốc gia đang phát triển.

40

Câu hỏi thảo luận

3. Chứng minh tính tất yếu khách quan của vấn đề nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia.
4. Trình bày phương pháp đánh giá năng lực cạnh tranh quốc gia theo mô hình kim cương của Michael Porter. Cho ví dụ minh họa.

41

Câu hỏi thảo luận

5. Phân tích mô hình đánh giá năng lực cạnh tranh quốc gia của Diễn đàn kinh tế thế giới (*World Economic Forum*).
6. Vận dụng các phương pháp đánh giá năng lực cạnh tranh quốc gia để phân tích thực trạng và đề xuất giải pháp cơ bản nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế Việt Nam trong thời gian tới.

42

